

Bản án số: 20/2021/HNGĐ - ST.

Ngày: 13/7/2021.

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Triều Vũ Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Hồng Điệp.

Ông Trà Minh Châu

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Hữu Toại – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Điều – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2021/TLST – HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 113/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thúy Q, sinh năm 1999; địa chỉ: Ấp N, xã H, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Huỳnh Dương Bảo N, sinh năm 1997; địa chỉ: Ấp N, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện lập ngày 08/12/2020 cũng như tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt lập ngày 08/6/2021 nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy Q trình bày:

Vào năm 2015, bà Q và ông N sống chung với nhau, nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, bà Q và ông N sống hạnh phúc đến 02/2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Trong quá trình chung sống, bà Q và ông N có một người con chung là cháu Nguyễn Huỳnh Gia H sinh ngày 20/6/2015. Về tài sản chung, về nợ chung: Không có.

Nay bà Q yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Huỳnh Dương Bảo N.

- Về con chung: Bà Q yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Huỳnh Gia H sinh ngày 20/6/1995 đến khi thành niên và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai và đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt lập cùng ngày 07/6/2021, bị đơn ông Huỳnh Dương Bảo N trình bày: Ông và bà Q sống chung với nhau năm 2015, không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống có một người con chung là cháu Nguyễn Huỳnh Gia H sinh ngày 20/6/2015. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Đối với yêu cầu ly hôn của bà Q thì ông đồng ý ly hôn. Về con chung: Ông đồng ý giao cháu Nguyễn Huỳnh Gia H sinh ngày 20/6/2015 cho bà Q tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên và ông không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với những người tham gia tố tụng, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra các chứng cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa xét thấy bà Nguyễn Thị Thúy Q và ông Huỳnh Dương Bảo N tự nguyện chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng nên mối quan hệ giữa bà Q và ông N không được pháp luật công nhận là vợ chồng, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thúy Q và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Thúy Q và ông Huỳnh Dương Bảo N; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Huỳnh Gia H sinh ngày 20/6/2015 cho bà Q tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên; Về cấp dưỡng: Bà Q không yêu cầu nên không đặt ra xem xét; Về tài sản chung và nợ chung: không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy Q và bị đơn ông Huỳnh Dương Bảo N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, 235 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Q và ông N.

[2] Về quan hệ pháp luật: Bà Nguyễn Thị Thúy Q khởi kiện xin ly hôn với ông Huỳnh Dương Bảo N và yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng người con chung. Do đó Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1, Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, từ năm 2015 bà Nguyễn Thị Thúy Q và ông Huỳnh Dương Bảo N tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ chung

sống giữa bà Q và ông N do không đăng ký kết hôn nên không có giá trị pháp lý, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng và theo quy định tại điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình thì mối quan hệ giữa bà Q và ông N không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Thúy Q và ông Huỳnh Dương Bảo N.

[4] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thúy Q và ông Huỳnh Dương Bảo N xác định trong thời gian chung sống có một người con chung là cháu Nguyễn Huỳnh Gia H sinh ngày 20/6/2015. Xét thấy: Kể từ khi ly thân đến nay, cháu Hưng đều do bà Q nuôi dưỡng. Việc thay đổi điều kiện hoàn cảnh sống, sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển tâm sinh lý bình thường của cháu. Mặt khác, ông N đồng ý giao cháu Hưng cho bà Q tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên, do đó HĐXX quyết định giao cháu Hưng cho bà Q tiếp tục nuôi dưỡng.

Dành quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông N, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Bà Nguyễn Thị Thúy Q không yêu cầu, nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Thúy Q và ông Huỳnh Dương Bảo N thống nhất xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét

[6] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Bà Nguyễn Thị Thúy Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông Huỳnh Dương Bảo N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 238; Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy Q.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Thúy Q và ông Huỳnh Dương Bảo N;

2/ Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thúy Q và ông Huỳnh Dương Bảo N có một người con chung là cháu Nguyễn Huỳnh Gia H sinh ngày 20/6/2015. Giao cháu Hưng cho bà Q tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên. Về cấp dưỡng: Bà Q không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Dành quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung cho ông Huỳnh Dương Bảo N mà không ai được ngăn cản.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thúy Q và ông Huỳnh Dương Bảo N thống nhất xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thúy Q phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00081358 ngày 18/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy bà Q đã nộp xong án phí. Ông Huỳnh Dương Bảo N không phải chịu án phí.

5/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật.

6/ Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tăng Triều Vũ Hà